

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 561/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12-7-2024

V/v: Tranh chấp về hôn nhân gia
đình “chấm dứt nuôi con nuôi”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh

2. Bà Võ Kim Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1281/2022/HNST ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc “ Tranh chấp yêu cầu nhằm chấm dứt việc nuôi con nuôi ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 465/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 595/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim H, sinh năm 1991; Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường N, Thị xã N, Tỉnh Khánh Hòa (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Võ Ngọc Trường T, sinh năm 1991; Địa chỉ: A Cao ốc căn hộ T, số A T, phường T, quận T, Tp . (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/01/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Kim H trình bày:

Bà là mẹ ruột của bé **Võ Nhã U** (trích lục khai sinh số 848/TLKS-BS ngày 05/12/2019). Tên gọi của bé trước đây là **Phạm Nhã U1** (Giấy khai sinh số 309/2014 ngày 22/9/2014).

Bé **Nhã U1** được bà cho bà **Võ Ngọc T1 T** nhận làm con nuôi theo quyết định nhận con nuôi số 04 ngày 05/11/2016. Nguyên trước đây bà **T** là bạn gái của em chồng bà, do vì hoàn cảnh khó khăn nên mong muốn bà **T** nhận bé **U1** làm con nuôi để khi bà **T** và em chồng bà kết hôn thì sẽ cho bé theo định cư ở nước ngoài để tốt cho tương lai của bé. Sau khi nhận nuôi bé **U1** đến nay thì bà **T** không hề chăm sóc nuôi dưỡng hay dành sự yêu thương cho bé. Sau đó thời gian thì bà **T** và em chồng của bà chia tay nhau, bà có điện thoại liên hệ bà **T** để làm lại thủ tục chấm dứt việc nuôi con nuôi để bé **U1** làm lại các giấy tờ thuận tiện cho việc học tập. Tuy nhiên bà **T** nhiều lần né tránh, cố tình gây khó khăn cho bà trong việc làm lại thủ tục giấy tờ cho bé. Sau nhiều lần liên hệ qua điện thoại thì bà đã tìm đến nơi ở của bà **T** nhưng vẫn không gặp. Tại bản khai bà **T** từ chối trả lại các giấy tờ của bé **U1**, bà cho rằng đã liên hệ với bà rất nhiều lần tìm gặp bé **U1** nhưng không được và bà **T** vẫn muốn nhận bé **U1** làm con nuôi và muốn chăm sóc nuôi dưỡng vì có tình cảm với bé là không đúng sự thật. Bởi vì thời gian quen em chồng của bà thì bà **T** đã ghé nhà của bà, bà vẫn ở địa chỉ trên từ đó đến nay không thay đổi. Bà **T** chỉ gặp bé **U1** đúng 02 lần nên không thể phát sinh tình cảm hay dành sự yêu thương và mong muốn được nhận nuôi bé **U1** như lời bà **T** nói. Bà **T** đã cố tình làm khó khăn đối với bà trong việc chấm dứt thủ tục nuôi con nuôi. Từ lúc bé **U1** sinh ra đến nay bà là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, nay bà muốn làm lại các thủ tục giấy tờ cho bé đúng với giấy khai sinh để thuận tiện cho việc học của bé. Do đó bà yêu cầu tuyên bố chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa bà **Võ Ngọc Trường T** và bé **Phạm Nhã U1**, sinh ngày 18/8/2014 (**Võ Nhã U** theo giấy khai sinh số 559 ngày 21/11/2016) theo giấy chứng nhận nuôi con nuôi số 04, quyền số 01/2016 do Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Tp.HCM ban hành ngày 05/11/2016.

*Tại bản tự khai ngày 08/5/2020 – bị đơn bà **Võ Ngọc Trường T** trình bày:*

Ngày 05/5/2016 bà **Phạm Thị Kim H** đã đồng ý cho tôi nhận nuôi bé **Võ Nhã U**, sinh năm 2014 vì lý do sau khi bà kết hôn với ông **Đàm Vinh Q** (em chồng của bà **H**, tức là chú ruột bé **U**) sẽ mang bé theo định cư nước ngoài. Bà khẳng định mục đích nhận nuôi bé **U** của bà xuất phát từ lòng yêu thương muốn chăm sóc bé **U** như chính con ruột của mình chứ không nhằm mục đích đưa bé đi định cư.

Sau khi làm thủ tục nhận nuôi bé **N** Uyên xong thì bà **H** xin cho bé ở lại thời gian để sắp xếp các vật dụng cá nhân cũng như trao đổi với bé việc sắp tới sẽ ở với mẹ nuôi là bà. Trong thời gian đó bà cũng đã sẵn sàng mọi thứ để chào đón bé về nuôi. Một thời gian sau bà và em chồng của bà **H** chia tay nhưng bà vẫn mong muốn được tiếp tục nuôi bé nên thường xuyên liên lạc với bà **H** để hỏi thăm tình hình của bé **U**. Trong những lần trao đổi thì bà có đề cập được đón bé **U** về nuôi nhưng bà **H** có

tình né tránh và nói để từ từ. Một thời gian khá lâu sau đó bà đã liên hệ bà **H** nhưng không được và không biết rõ nơi ở của bà **H**.

Đến tháng 7/2018 bà có gửi đơn cho Công an Ninh Hòa, Khánh Hòa đề nhờ chính quyền hỗ trợ bắt con lại nhưng không được giải quyết. Tới tháng 01/2019 bà tiếp tục gửi đơn đến Công an Ninh Hòa, Khánh Hòa hỗ trợ giải quyết việc đòi lại con nhưng vẫn không được giải quyết. Nay bà vẫn có mong muốn được tiếp tục nhận nuôi bé **Võ Nhã U**.

Bị đơn – bà **Võ Ngọc Trường T** đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tòa án không lấy được lời khai cũng như không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Đương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật tố tụng quy định tại Điều 28; Điều 48; Điều 69; Điều 79; Điều 171; Điều 173 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tuy nhiên còn vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vi phạm trên không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên kiến nghị khắc phục.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ theo giấy chứng nhận nuôi con nuôi số 04, quyền số 01/2016 do Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Tp.HCM ban hành ngày 05/11/2016 có cơ sở xác định bà **T** là mẹ nuôi của cháu **U**. Tuy nhiên sau khi nhận làm con nuôi bà **U** không trực tiếp chăm sóc hay nuôi dưỡng bé **U**. Hiện nay bé **U** vẫn sống với bà **H** ở quê.

Nay nguyên đơn yêu cầu chấm dứt việc nuôi con giữa bà **Võ Ngọc Trường T** với bé **Võ Nhã U** nuôi là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về án phí: Tính theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Đơn khởi kiện ngày 14/01/2020, bà **Phạm Thị Kim H** yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa bà **Võ Ngọc Trường T** với bé **Võ Nhã U**. Tòa án đã thụ lý quan hệ tranh chấp “Tranh chấp yêu cầu nhằm chấm dứt việc nuôi con nuôi”. Nay Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp trên là “Tranh chấp về hôn nhân gia đình chấm dứt việc nuôi con nuôi”. Bà **T** hiện cư ngụ tại quận **T** nên Toà án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục vắng mặt đương sự:

Nguyên đơn – bà **Phạm Thị Kim H** có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Tân Phú vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà **H**.

Bị đơn – bà **Võ Ngọc Trường T** đã được Tòa án nhân dân quận Tân Phú tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo khoản 1, khoản 2 Điều 177; khoản 2 Điều 220; khoản 3 Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng bà **T** vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân quận Tân Phú vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà **T**.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- Xét, việc bà **Phạm Thị Kim H** yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của bà **Võ Ngọc Trường T** đối với cháu **Võ Nhã U**, sinh ngày 18/8/2014. Hội đồng xét xử nhận định:

Về mối quan hệ giữa bà **H**, bà **T** và cháu **U**: Bà **H** là mẹ ruột của cháu **Võ Nhã U** (tên trước đây là **Phạm Nhã U1**), sinh ngày 18/8/2014, bà **T** đã nhận cháu **U1** làm con nuôi theo giấy chứng nhận nuôi con nuôi số 04, quyền số 01/2016 do Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Tp.HCM ban hành ngày 05/11/2016. Do đó có đủ cơ sở xác định bà **T** có mối quan hệ là mẹ nuôi của cháu **U1** trên thực tế, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định giữa bố mẹ nuôi và con nuôi.

Bà **H** cho rằng sau khi nhận nuôi bé **U1** đến nay thì bà **T** không chăm sóc, nuôi dưỡng hay dành sự yêu thương cho bé. Một thời gian sau thì bà **T** và em chồng của bà **H** chia tay nhau nên bà **H** đã yêu cầu bà **T** chấm dứt việc nuôi con nuôi để bà **H** làm lại các thủ tục giấy tờ cho bé đi học. Tại bản tự khai bà **T** cho rằng sau khi làm thủ tục nhận nuôi bé **N** Uyên xong thì bà **H** xin cho bé ở lại thời gian để sắp xếp các vật dụng cá nhân cũng như trao đổi với bé việc sắp tới sẽ ở với mẹ nuôi là bà. Sau đó bà và em chồng của bà **H** chia tay nhưng bà vẫn mong muốn được tiếp tục nuôi bé nên thường xuyên liên lạc với bà **H** để hỏi thăm tình hình của bé **U1** và có đề cập việc được đón bé **U1** về nuôi nhưng bà **H** cố tình né tránh. Một thời gian khá lâu sau đó bà đã liên hệ bà **H** nhưng không được và không biết rõ nơi ở của bà **H** là không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét, vì:

Tại kết quả xác minh của Hội Liên hiệp phụ nữ phường N, Thị xã N, Tỉnh Khánh Hòa cung cấp: “ Hiện nay cháu **Phạm Nhã U1** (**Võ Nhã U**) đang chung sống với bà **Phạm Thị Kim H** tại địa chỉ **tổ dân phố A, phường N, Thị xã N, Tỉnh Khánh Hòa...bà H** là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu **U**...hiện nay cháu **U** đang học lớp 4² trường Tiểu học số 1 **phường N, Thị xã N, Tỉnh Khánh Hòa** và phát triển bình thường ”.

Tại Điều 2 Luật nuôi con nuôi đã nêu mục đích nuôi con nuôi: “ *Việc nuôi con nuôi nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của người được nhận làm con nuôi, bảo đảm cho con nuôi được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trong môi trường gia đình*”.

Tại Điều 69 Luật hôn nhân và gia đình quy định về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con như sau:

“ 1. *Thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội.*

2. *Trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình....”*

Ngoài ra, Điều 78 Luật hôn nhân và gia đình có quy định về quyền và nghĩa vụ cha mẹ nuôi và con nuôi như quyền nghĩa vụ giữa cha mẹ và con.

Điều 25 Luật nuôi con nuôi có quy định về căn cứ chấm dứt việc nuôi con nuôi theo đó, khi giải quyết yêu cầu chấm dứt nuôi con nuôi, việc nuôi con nuôi có thể bị chấm dứt trong các trường hợp: “ *Con nuôi đã thành niên và cha mẹ nuôi tự nguyện chấm dứt việc nuôi con nuôi; Con nuôi bị kết án về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của cha mẹ nuôi; ngược đãi, hành hạ cha mẹ nuôi hoặc con nuôi có hành vi phá tán tài sản của cha mẹ nuôi; Cha mẹ nuôi bị kết án về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con nuôi; ngược đãi, hành hạ con nuôi; Vi phạm quy định tại Điều 13 của Luật nuôi con nuôi* ”

Từ tình hình thực tế cho thấy, bà **T** không trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu **U** từ năm 2016 đến nay. Chính vì vậy, bà **Võ Ngọc Trường T** đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của cha mẹ nuôi, mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà **T** cũng vắng mặt, qua đó thể hiện bà **T** không thể hiện thiện chí muốn nhận nuôi và chăm sóc bé **U** như bà trình bày. Do đó yêu cầu của bà **H** về việc chấm dứt việc nuôi của bà **T** với bé **U** là có căn cứ, phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, khoản 2 Điều 26, của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà **T** phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 267; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 25, khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 27 Luật nuôi con nuôi; Điều 69 và Điều 78 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, khoản 2 Điều 26; của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim H.

Chấm dứt việc nuôi con nuôi của bà Võ Ngọc Trường T đối với cháu Võ Nhã U (tên trước đây là Phạm Nhã U1), sinh ngày 18/8/2014.

Quyền và nghĩa vụ giữa mẹ nuôi là bà Võ Ngọc Trường T và con nuôi là cháu Võ Nhã U (tên trước đây là Phạm Nhã U1) chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

- Bà Võ Ngọc Trường T phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

- Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng cho bà Phạm Thị Kim H theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0064878 ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND TP . HCM;
- VKSND Quận Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Lưu VP, hồ sơ ./.(Vinh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hương

